TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/ DS-ST
Ngày: 16-7- 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

-***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thị Hải – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

-***Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-DS ngày 30/6/2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị Lê Thị H- sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. ***Bị đơn***: Bà Lê Thị N - sinh năm 1958; nơi cư trú: Khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3. ***Người có quyền lợi liên quan đến vụ án*:** Anh Nguyễn Hữu T - sinh năm 1954 (Chồng chị Lê Thị H); nơi cư trú: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị H- sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Gia đình chị và bà Lê Thị N là hàng xóm

quen biết nhau. Ngày 01/3/2019 âm lịch (tức ngày 05/4/2019 dương lịch), chị H có dùng tiền của vợ chồng chị cho bà Lê Thị N vay số tiền 122.000.000đồng, không có lãi để lo công việc gia đình và thỏa thuận đến khi nào gia đình chị làm nhà xong thì bà N phải trả cho gia đình chị số tiền vay trên. Khi cho vay, bà N có viết và ký tên vào giấy vay tiền. Đến tháng 11/2019 thì gia đình chị xây nhà xong, chị có yêu cầu bà N phải trả số tiền đã vay nhưng bà N không trả. Đến ngày 19/5/2020, bà N đến trả được cho chị số tiền 25.000.000đồng. Do bà N chậm trả tiền nên ngày hôm đó chị có tính tiền lãi cho bà N thêm 6.000.000đồng nữa, tổng số tiền bà N phải trả cho chị là 128.000.000đồng, trừ đi 25.000.000đồng đã trả, bà N còn nợ 103.000.000đồng. sau đó, mặc dù chị đã nhiều lần đòi nhưng bà N cứ khất lần không trả. Nay thấy bà N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị cho bà N 3.000.000đồng và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho vợ chồng chị số tiền 100.000.000đồng. Nếu bà N trả hết nợ trong thời hạn 02 tháng, thì vợ chồng chị không yêu cầu phải trả lãi. Nếu quá 02 tháng, bà N không trả được hết số tiền 100.000.000đồng, thì vợ chồng chị yêu cầu bà N phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với số tiền chậm trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị N trình bày: Bà N thừa nhận ngày 01/3/2019 âm lịch (tức ngày 05/4/2019 dương lịch) có vay số tiền 122.000.000đồng, không có lãi của gia đình chị H để lo công việc gia đình. Thời hạn vay là khi nào gia đình chị H xây nhà xong thì bà N trả hết tiền vay. Sau đó, do hoàn cảnh gia đình bà gặp khó khăn nên bà không trả được nợ đúng hạn cho chị H. Ngày 19/5/2020, bà đã trả được cho chị H 25.000.000đồng nhưng vì chậm trả nợ, nên hai bên thỏa thuận là bà N phải trả thêm số tiền lãi là 6.000.000đồng. Như vậy, bà N còn nợ gia đình chị N 103.000.000đồng. Nay bà N đồng ý trả cho chị N số tiền 100.000.000đồng nhưng đề nghị được trả theo phương thức là: cứ 04 tháng một lần, bà sẽ trả cho chị H 20.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị H yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000đồng, còn tiền lãi thì không yêu cầu. Thời hạn trả là từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; bị đơn là bà Lê Thị N giữ nguyên quan điểm trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào: Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị H.

Buộc bà Lê Thị N phải trả cho chị Lê Thị H, anh Nguyễn Hữu T số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và bị đơn là bà Lê Thị N có nơi cư trú tại khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê thụ lý, giải quyết vụ án là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của các đương sự cho thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa chị Lê Thị H và bà Lê Thị N xác lập ngày 01/3/2019 âm lịch (tức ngày 05/4/2019 dương lịch) có hình thức, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật từ khi giao kết. Theo nội dung hợp đồng, chị H cho bà N vay tiền đến khi gia đình chị H xây xong nhà (tháng 11/2019), bà N phải trả hết tiền vay cho gia đình chị H. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị H đã cho bà N vay tiền, nhưng bà N trả nợ không đúng hạn là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 19/5/2020, bà N mới trả cho chị H 25.000.000đồng, còn 97.000.000đồng chưa trả được. Do bà N chậm trả nợ khoảng 6 tháng (Từ tháng 11/2019 đến 19/5/2020), nên hai bên thỏa thuận là bà N phải tra tiền lãi cho mỗi tháng chậm trả của số tiền 122.000.000đồng là 1.000.000đồng, tổng cộng là 6.000.000đồng. Do tiền lãi mà hai bên thỏa thuận như trên không trái quy định của pháp luật, nên có căn cứ xác định đến nay, bà N còn nợ gia đình chị H 103.000.000đồng.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu bà N phải trả cho gia đình chị số tiền còn nợ là 100.000.000đồng, không có lãi và thời hạn trả là từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu của chị H không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần chấp nhận. Việc bị đơn là bà N đề nghị được trả dần theo phương thức nêu trên là không có căn cứ chấp nhận, vì chị H không đồng ý.

[3]. Về án phí: Theo quy định của pháp luật, bị đơn là bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà N là người cao tuổi, nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ

khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị H.

1.1. Buộc bà Lê Thị N phải trả cho chị Lê Thị H, anh Nguyễn Hữu T số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Lê Thị N.

2.2. Hoàn trả cho chị Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003460 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Thắng